

**MẪU SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
NĂM 2020/2021/06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Đính kèm Công văn số/SGDHN-QLNY ngày.../2022 của Sở GDCK Hà Nội về việc hướng dẫn CBTT định kỳ)

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng #N/A

Mã chứng khoán: DNE Mau

| STT | Tiêu chí đánh giá | Năm 2020 (Có/Không) | Năm 2021 (Có/Không) | 06tháng/2022 (Có/Không) | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|------------------------|----------------------------|---|
| 1 | Công ty không xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của HĐQT | Không | Không | Có | Ngày 14/7/2022, Công ty đã ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT (sửa đổi) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022) |
| 2 | Công ty không quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (Có/không) | Không | Không | Có | Ngày 14/7/2022, Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022), trong đó có quy định việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác |
| 3 | Công ty có sở hữu nhà nước >50% | Có | Có | Có | Nhà nước sở hữu 51% |
| 4 | Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật DN (không có Ban kiểm soát) | Không | Không | Không | Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp |
| 5 | Công ty không xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty | Không | Không | Có | Ngày 14/7/2022, Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022) |



| | | | | | |
|----|--|-------|-------|-------|--|
| 6 | Công ty không xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát | Không | Không | Có | Ngày 14/7/2022, Công ty đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sửa đổi) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022) |
| 7 | Công ty không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty | Không | Không | Có | HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2022 về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty |
| 8 | Công ty không đưa nội dung thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD (GD) và người quản lý khác thành mục riêng trong BCTC hàng năm của công ty và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên | Có | Có | Có | Công ty hàng năm có đưa nội dung thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD (GD) và người quản lý khác thành mục riêng trong BCTC hàng năm của công ty và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên |
| 9 | Thành viên HĐQT độc lập của Công ty không lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT(Có/không) | | | | Công ty không có TV HĐQT độc lập |
| 10 | Công ty có số lượng cuộc họp HĐQT ít hơn 04 lần/năm (không đảm bảo ít nhất mỗi quý 01 lần) (Có/không) | Không | Không | Không | Công ty có số lượng cuộc họp HĐQT đảm bảo ít nhất mỗi quý 01 lần |
| 11 | Công ty có số lượng cuộc họp Ban kiểm soát ít hơn 02 lần/năm | Không | Không | Không | Công ty có số lượng cuộc họp BKS đảm bảo ít nhất 02 lần/ năm |
| 12 | Chủ tịch HĐQT của Công ty kiêm nhiệm chức danh TGD (GD) của Công ty | Không | Không | Không | |
| 13 | Thành viên HĐQT của Công ty đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác | Không | Không | Không | |
| 14 | Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD (GD), người quản lý khác của Công ty thực hiện hợp đồng, giao dịch khi chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận. | Không | Không | Không | |
| 15 | Công ty có số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh Doanh nghiệp | Không | Không | Không | Công ty có 5 thành viên HĐQT, trong đó: 3 thành viên HĐQT chuyên trách và 2 thành viên HĐQT không chuyên trách |

Handwritten signature

40
N
NG
NG
DÀ N

| | | | | | |
|----|---|-------|-------|-------|---|
| 16 | Công ty có số lượng thành viên BKS ít hơn 3 người | Không | Không | Không | Công ty có 3 thành viên BKS, trong đó: 01 thành viên BKS chuyên trách - Trưởng Ban và 02 thành viên BKS không chuyên trách |
| 17 | Công ty không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành | Không | Không | Không | Công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. |
| 18 | Công ty không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP | Không | Không | Không | Công ty không có TV HĐQT độc lập |
| 19 | Công ty không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC năm của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán BCTC năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối | Có | Có | Có | Công ty có mời Đại diện tổ chức kiểm toán |
| 20 | Công ty vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này | Không | Không | Không | |
| 21 | Chủ tịch HĐQT không báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất nội dung đã được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ trước đó nhưng chưa thực hiện; không báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ | Không | Không | Không | Chủ tịch HĐQT có báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất nội dung đã được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ trước đó nhưng chưa thực hiện; có báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ |
| 22 | Công ty không ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiến hành giao dịch với người có liên quan | Không | Không | Không | Công ty không có giao dịch với người có liên quan |
| 23 | Công ty không đảm bảo thành viên HĐQT, BKS, Ủy ban kiểm toán đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp pháp luật quy định (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) | Không | Không | Không | Công ty đảm bảo thành viên HĐQT, BKS đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp pháp luật quy định (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) |



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

| | | | | | | |
|------|--|-------|-------|-------|--|--|
| 23.1 | Công ty có thành viên HĐQT là người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp | Không | Không | Không | | |
| 23.2 | Công ty có thành viên HĐQT là người có quan hệ gia đình của GD, TGD và người quản lý khác của Công ty; người có quan hệ gia đình của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ | Không | Không | Không | | |
| 23.3 | Công ty có KSV là người thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp | Không | Không | Không | | |
| 23.4 | Công ty có KSV là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, GD hoặc TGD và người quản lý khác | Không | Không | Không | | |
| 23.5 | Công ty có KSV là người quản lý công ty | Không | Không | Không | | |
| 23.6 | Công ty có KSV là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty | Không | Không | Không | | |
| 23.7 | Công ty có KSV làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty | Không | Không | Không | | |
| 23.8 | Công ty có KSV là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty trong 03 năm liền trước đó | Không | Không | Không | | |
| 23.9 | Trưởng ban kiểm soát không có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty | Có | Có | Có | Trưởng Ban kiểm soát Công ty có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán | |

Handwritten mark

ẤN
C
C
01
Đ
Đ
4P


| | | | | | | |
|------|---|--|--|--|--|--|
| 24 | Công ty không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP | | | | | |
| 24.1 | <i>Công ty không có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đối với trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp</i> | | | | | |
| 24.2 | <i>Công ty có số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán ít hơn 02 người</i> | | | | | |
| 24.3 | <i>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của Công ty không phải là thành viên HĐQT độc lập</i> | | | | | |
| 24.4 | <i>Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán không phải là thành viên HĐQT không điều hành</i> | | | | | |
| 24.5 | <i>Công ty có thành viên Ủy ban kiểm toán làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty</i> | | | | | |
| 24.6 | <i>Công ty có thành viên Ủy ban kiểm toán là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các BCTC của công ty trong 03 năm liền trước đó</i> | | | | | |
| 24.7 | <i>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh</i> | | | | | |
| 25 | Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ | | | | | |
| 26 | Công ty không có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị | | | | | |
| 27 | Công ty có số lượng cuộc họp Ủy ban kiểm toán ít hơn 02 lần/năm (trong trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) | | | | | |

228
 NG T
 PHẢ
 RƯƠ
 Đ THI
 NẠN
 Ồ ĐÀ

Phu

| | | | | | |
|----|---|--|--|--|--|
| 28 | Công ty không xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp | | | | |
|----|---|--|--|--|--|

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên (chức vụ, đóng dấu-nếu là tổ chức) 



Võ Minh Đức

